

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 31/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh và Ông Nông Văn Thắng

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Vi Văn Đ (tên gọi khác không), sinh ngày 23 tháng 8 năm 1968, tại: huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn S (đã chết) và bà Triệu Thị S1; Vợ: Vi Thị D, con: 03 con; tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị X- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị D, sinh năm 1966; trú tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 31/10/2023 tại khu vực [thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#), Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy [Công an tỉnh B](#) phát hiện [Vi Văn Đ](#) đang điều khiển xe mô tô BKS 97B2 – 046.75 có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, thu giữ tại túi quần phía trước bên phải đang mặc của [Vi Văn Đ](#) 01 (một) gói nhỏ được gói bằng 02 (hai) lớp giấy, lớp bên ngoài được gói bằng giấy màu trắng (loại giấy vệ sinh), lớp bên trong được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng (loại giấy lót bao thuốc lá), bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và bột (Niêm phong trong phong bì ký hiệu Đ1). Ngoài ra còn tạm giữ thêm của [Vi Văn Đ](#) một căn cước công dân mang tên [Vi Văn Đ](#); Một xe mô tô biển kiểm soát 97B2-046.75 kèm theo 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy và một điện thoại di động nhãn hiệu Masster bên trong gắn thẻ sim số 0332 023 112.

Cùng ngày 31/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an tỉnh B](#) tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, công trình phụ cận của [Vi Văn Đ](#) tại [thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#). Kết quả không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 31/10/2023 Cơ quan [Công an tỉnh B](#) cùng sự có mặt của [Vi Văn Đ](#) đã tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu Đ1 để cân xác định khối lượng chất màu trắng dạng cục lẫn bột thu giữ trên người [Vi Văn Đ](#). Kết quả số chất màu trắng dạng cục lẫn bột có khối lượng là 1,595g (Một phẩy năm chín năm gam). Sau khi cân xong niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 để gửi giám định.

Ngày 01/11/2023 Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 345/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của [Phòng K Công an tỉnh B](#) kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy; loại Heroine ([H](#)), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022 /NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu A1 có khối lượng là: 1,595g (một phẩy năm chín năm gam).

Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu A1 còn lại: 1,517g (một phẩy năm một bảy gam) cùng phong bì, bao gói cũ niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T194 hoàn trả lại cho Cơ quan trung cầu.

Tại Cơ quan điều tra [Vi Văn Đ](#) khai nhận: Khoảng 13 đến 14 giờ ngày 31/10/2023 [Vi Văn Đ](#) điều khiển xe mô tô BKS 97B2 – 046.75 của gia đình từ nhà ở [thôn P, xã V, huyện N đến thị trấn Y](#) mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến khu vực ngã ba [Q thuộc thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#) thì gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu trông giống người nghiện ma túy, nên đã hỏi mua ma túy. Sau đó đã đưa cho người đàn ông đó số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và được người đàn ông đó đưa cho [Đ](#) 01 (một) gói ma túy. Khi đã mua được ma túy [Vi Văn Đ](#) cất giấu trong túi quần đằng trước bên phải đang mặc trên người, rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà, khi đi đến khu vực [thôn N, xã C](#) thì bị tổ công tác [Công an tỉnh B](#) kiểm tra, bắt giữ và thu giữ tang vật. Số tiền 2.500.000đ [Đ](#) dùng để mua ma túy là do lao động mà có. Mục đích [Đ](#) đi mua ma túy là để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác.

Về vật chứng của vụ án và các tài liệu đồ vật đã tạm giữ:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu T194, bên ngoài ghi “mẫu hoàn trả vụ: [Vi Văn Đ](#) (1968) tàng trữ trái phép chất ma túy”, bên trong có 1,517g (một phẩy năm một bảy gam) ma túy, cùng phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) vỏ phong bì ký hiệu Đ1, phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu H1, bên ngoài ghi “điện thoại tạm giữ của [Vi Văn Đ](#)” bên trong có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel loại có bàn phím màu đen, bên trong gắn thẻ sim số 0332 023 112.

+ 01 (một) căn cước công dân số 020068005536, mang tên [Vi Văn Đ](#).

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 97003550 cấp cho xe mô tô BKS 97B2 – 046.75, tên chủ xe [Vi Văn Đ](#).

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu đen BKS 97B2 – 046.75.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-NR ngày 08/01/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kan, truy tố [Vi Văn Đ](#) về: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà [Vi Thị D](#) nêu ý kiến: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu đen BKS 97B2 – 046.75 là của gia đình và sử dụng chung cho cả gia đình, bà không biết việc bị cáo sử dụng xe vào việc tàng trữ trái phép chất ma túy nên yêu cầu được lấy lại. Đối với số tiền 2.500.000,đ mà bị cáo đi mua ma túy là tài sản chung của bà và bị cáo tuy nhiên bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo về số tiền này.

- Người bào chữa cho bị cáo, bà [Đỗ Thị X](#) có đơn xin vắng mặt tại bản luận cứ bào chữa trình bày quan điểm bào chữa như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét hành vi của bị cáo, xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo nghiện nên tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được [bộ](#) cấp giấy chứng nhận. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt, hình phạt bổ sung không áp dụng do bị cáo nghiện ma túy, không có công ăn việc làm và đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo [Vi Văn Đ](#) phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38/BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam thời hạn tù được tính từ ngày 31/10/2023. Hình phạt bổ sung không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu T194, bên ngoài ghi “mẫu hoàn trả vụ: [Vi Văn Đ](#) (1968) tàng trữ trái phép chất ma túy”, bên trong có 1,517g (một phẩy năm một bảy gam) ma túy, cùng phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) vỏ phong bì ký hiệu Đ1, phong bì, bao gói cũ.

+ 01 thẻ sim điện thoại số 0332 023 112.

* Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) căn cước công dân số 020068005536, mang tên [Vi Văn Đ](#).

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel loại có bàn phím màu đen được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu H1, bên ngoài ghi “điện thoại tạm giữ của [Vi Văn Đ](#)”.

* Tịch thu hóa giá để sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị phần tài sản là chiếc xe mô tô có nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu đen BKS 97B2 – 046.75

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô cho vợ bị cáo là bà [Vi Thị D](#); Tạm giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe gắn máy số: 97003550 cấp cho xe mô tô BKS 97B2 – 046.75, tên chủ xe [Vi Văn Đ](#) để đảm bảo cho việc thi hành án đối với chiếc xe.

Miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo [Vi Văn Đ](#) nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc xét xử vắng mặt người bào chữa tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt của người bào chữa không ảnh hưởng việc xét xử vì đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 291 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo [Đ](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại tòa, cụ thể:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 31/10/2023 tại khu vực [thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn](#) bị cáo [Vi Văn Đ](#), sinh ngày 23/8/1968, trú tại [thôn P, xã V,](#)

[huyện N, tỉnh Bắc Kan](#) đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,595g (một phẩy năm chín năm gam) ma túy loại Heroin. Mục đích là sử dụng cho bản thân.

Hành vi nêu trên của [Vi Văn Đ](#) là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an - xã hội của địa phương và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)

b)

c) *Heroine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.*

.....

[3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình sinh sống bị cáo đã có thời gian tham gia dân quân hỏa tuyến; được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có con đẻ là [Vi Văn H](#) được Chủ tịch [ủy ban nhân dân tỉnh B](#) tặng bằng khen do có nhiều thành tích tiêu biểu góp phần củng cố, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương giai đoạn 2019-2020. Nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Đánh giá về quan điểm bào chữa của người bào chữa: Quan điểm của người bào chữa về việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, lý do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế và đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt mà người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo 12 tháng tù là thấp, chưa thực sự phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. HĐXX thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt cao hơn so với đề nghị của người bào chữa.

[6] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy bị cáo có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật tuy nhiên bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện để làm một công dân tốt bản thân đưa đòi nghiện chất ma túy dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng hình phạt tù buộc bị cáo đi cải tạo tập trung một thời gian nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người nghiện chất ma túy không có công việc ổn định, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do đó không xem xét áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng:

* Đối với: 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu T194, bên ngoài ghi “mẫu hoàn trả vụ: [Vi Văn Đ](#) (1968) tàng trữ trái phép chất ma túy”, bên trong có 1,517g (một phẩy năm một bảy gam) ma túy, cùng phong bì, bao gói cũ; 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) vỏ phong bì ký hiệu Đ1, phong bì, bao gói cũ; 01 thẻ sim số 0332 023 112. Là toàn bộ số ma túy tang vật của vụ án; không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với 01 (một) căn cước công dân số 020068005536, mang tên [Vi Văn Đ](#); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel loại có bàn phím màu đen được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu H1, bên ngoài ghi “điện thoại tạm giữ của [Vi Văn Đ](#)”.

Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội và bị cáo đề nghị được lấy lại. Do đó, cần trả lại cho bị cáo.

* Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu đen BKS 97B2 – 046.75.

Xét chiếc xe máy là phương tiện mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, xét về nguồn gốc, chiếc xe là do cả hai vợ chồng bị cáo góp tiền để mua nên chiếc xe này thuộc sở hữu chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình điều tra xác định bà [Vi Thị D](#) (vợ bị cáo) không biết việc bị cáo dùng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe mô tô, trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe mô tô cho bà [Vi Thị D](#) sau khi đã hóa giá.

* Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 97003550 cấp cho xe mô tô BKS 97B2 – 046.75, tên chủ xe [Vi Văn Đ](#) cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với chiếc xe.

[8] Trong vụ án này bị cáo khai về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực ngã ba [Q thuộc thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#) nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để điều tra xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí, cần miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo [Vi Văn Đ](#) phạm: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo [Vi Văn Đ](#) 18(mười tám) tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 31/10/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi năm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[3] Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

* Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu T194, bên ngoài ghi “mẫu hoàn trả vụ: [Vi Văn Đ](#) (1968) tàng trữ trái phép chất ma túy”, bên trong có 1,517g (một phẩy năm một bảy gam) ma túy, cùng phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) vỏ phong bì ký hiệu Đ1, phong bì, bao gói cũ.

+ 01 thẻ sim điện thoại số 0332 023 112.

* Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) căn cước công dân số 020068005536, mang tên Vi Văn Đ.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel loại có bàn phím màu đen được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu H1, bên ngoài ghi “điện thoại tạm giữ của Vi Văn Đ”.

* Tịch thu hóa giá để sung công quỹ Nhà nước 1/2 giá trị phần tài sản là chiếc xe mô tô có nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu đen BKS 97B2 – 046.75 (số khung RLCUE171OLY316303, số máy E3T6E484210)

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô cho vợ bị cáo là bà Vi Thị D; Tạm giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe gắn máy số: 97003550 cấp cho xe mô tô BKS 97B2 – 046.75, tên chủ xe Vi Văn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với chiếc xe.

(Hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Ri ngày 11 tháng 01 năm 2024)

[4] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện(01b);
- VKSND tỉnh (01b)
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Người bào chữa;
- THA dân sự(01b);
- THA hình sự(01b);
- Hồ sơ CA huyện(01b);
- Sở Tư pháp tỉnh (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- CT phiên tòa(01b);
- Lưu TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Luân

